

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3231/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021, số 4930/QĐ-BNN-KH ngày 20/12/2022 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang; số 4522/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/11/2022 phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc Dự án Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh Tuyên Quang: Số 1393/UBND-ĐTXD ngày 25/4/2022, số 2247/UBND-ĐTXD ngày 16/6/2022 về việc đề nghị phê duyệt và cam kết thực hiện Dự án Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Tờ trình số 50/TTr-DANN ngày 22/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang trình Bộ phê duyệt Dự án Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại các Báo cáo thẩm định số 1911/BC-XD-TĐ ngày 13/12/2022, số 1953/BC-XD-TĐ ngày 20/12/2022 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang:

1. Tên dự án: Hồ Cao Ngỗi, tỉnh Tuyên Quang.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu đầu tư xây dựng: Xây dựng hồ chứa nước Cao Ngỗi tạo kho nước để bổ sung cho đập dâng Cao Ngỗi phục vụ tưới và tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, giúp nâng cao đời sống người dân; góp phần phòng chống cháy rừng và cải tạo môi trường sinh thái.

b) Nhiệm vụ của dự án: Cấp nước tưới cho khoảng 140ha đất canh tác (120ha lúa + 20ha màu); tạo nguồn, cấp nước sinh hoạt cho khoảng 52.000 người.

c) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Biện pháp công trình: Xây dựng hồ chứa điều tiết nhiều năm và hệ thống dẫn nước.

- Vùng tuyến:

+ Vùng tuyến công trình đầu mối: Vùng tuyến II.

+ Tuyến kênh: Kênh chính xuất phát từ sau đập dâng Cao Ngỗi (đập hiện trạng) theo tuyến kênh cũ hiện có.

+ Tuyến ống dẫn nước thô: Xuất phát từ bể chia nước sau công đi theo hướng tuyến ống hiện trạng cấp nước cho Nhà nước Đông Lợi, sau đó đi dọc theo các tuyến đường liên xã và tỉnh lộ 186 về các bể chứa tại trung tâm các xã.

- Giải pháp kỹ thuật (*Thông số kỹ thuật chi tiết kèm theo Phụ lục số I*):

+ Hồ chứa: Diện tích lưu vực $F_{LV}=8,48 \text{ km}^2$; dung tích toàn bộ $2,18.10^6 \text{ m}^3$; dung tích hữu ích $2,052.10^6 \text{ m}^3$.

+ Đập chính: Kết cấu đập bê tông trọng lực, cao $H_{\max}=30,1\text{m}$, dài $L=128\text{m}$, bề rộng đỉnh đập $B=6\text{m}$. Trong thân đập có bố trí hệ thống hành lang kiểm tra, sửa chữa kết hợp với hệ thống rãnh tiêu nước thân và nền đập. Xử lý nền bằng khoan phụt vữa xi măng chống thấm.

+ Tràn xả lũ: Hình thức tràn tự do bố trí giữa lòng sông, ngưỡng dạng phấp Piano, kết cấu lệch về phía thượng lưu (PK1), chiều dài tràn nước 80,7m, bề rộng tràn vuông góc dòng chảy $B = 20\text{m}$, tiêu năng đáy; lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{P1\%}=229 \text{ m}^3/\text{s}$; lưu lượng xả lũ kiểm tra $Q_{P0,2\%}=307 \text{ m}^3/\text{s}$; cao trình ngưỡng tràn +130,5m.

+ Công lấy nước: Bố trí ở bên phải thân đập chính; hình thức công chảy có áp, lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=0,37\text{m}^3/\text{s}$ (trong đó: lưu lượng phục vụ tưới $0,208$; cấp nước sinh hoạt $Q=0,146\text{m}^3/\text{s}$; lưu lượng xả môi trường $Q=0,0165\text{m}^3/\text{s}$), kết cấu bằng ống thép $D=600\text{mm}$ đặt trong thân đập bê tông.

+ Công xả cát: Bố trí giữa lòng suối cũ, kích thước $1,5 \times 1,5\text{m}$ kết cấu bằng bê tông cốt thép.

+ Hệ thống dẫn nước tưới: Xây mới 02 tuyến kênh trên tuyến kênh cũ, tổng chiều dài $3,693\text{km}$. Công trình trên kênh có 95 hạng mục.

++ Kênh chính lấy nước từ đập dâng Cao Ngõi trên suối Cái tưới 64ha , chiều dài $L=2,741\text{km}$, lưu lượng thiết kế $Q_{tk}=0,103\text{m}^3/\text{s}$; kênh mặt cắt chữ nhật kích thước đầu kênh $B \times H=(0,6 \times 0,8)\text{m}$, kết cấu bê tông cốt thép.

++ Kênh Đồng Cóc: Lấy nước từ đập dâng An Khang (hạ lưu đập dâng Cao Ngõi), cách đập dâng Cao Ngõi khoảng 4km , tưới 56ha , chiều dài $L=0,952\text{km}$, lưu lượng thiết kế $Q_{tk}=0,089\text{m}^3/\text{s}$; kênh mặt cắt chữ nhật kích thước đầu kênh $B \times H=(0,5 \times 0,65)\text{m}$, kết cấu bê tông cốt thép.

+ Hệ thống đường ống dẫn nước thô (tạo nguồn cấp nước sinh hoạt):

++ Tuyến ống chính: Tuyến ống O_1 : Hoàn trả cho nhà máy nước xã Đông Lợi, chiều dài $0,2\text{km}$, lưu lượng $Q=0,02\text{m}^3/\text{s}$; đường kính $D150\text{mm}$, kết cấu bằng ống thép; Tuyến ống O_2 : Dài $7,013\text{km}$, lưu lượng $Q=0,105\text{m}^3/\text{s}$; đường kính $D500\text{mm}$, kết cấu bằng ống HDPE PN8÷PN10 kết hợp ống thép;

++ Tuyến ống nhánh thuộc đường ống O_2 : Tuyến ống nhánh O_{2-1} : Cấp nước cho xã Hồng Lạc và vùng lân cận; chiều dài $4,073\text{km}$, đường kính $D250\text{mm}$, kết cấu bằng ống HDPE PN8÷PN10; bố trí tại trung tâm mỗi xã 01 bể trữ khoảng 70m^3 ; Tuyến ống nhánh O_{2-2} : Cấp nước cho các xã: Hào Phú, Tam Đa, Phú Lương và vùng lân cận. Chiều dài $9,1\text{km}$, đường kính $D=(160 \div 315)\text{mm}$, kết cấu bằng ống HDPE PN8÷PN10; bố trí tại trung tâm mỗi xã 01 bể trữ khoảng 70m^3 .

- Tổ chức xây dựng:

+ Dẫn dòng thi công qua lòng sông thu hẹp, công dẫn dòng và tràn xả lũ, thời gian thi công 02 năm.

+ Vật liệu xây dựng: Cát, đá mua tại các mỏ khu vực lân cận công trình, đất đắp sử dụng đất đào móng và khai thác đất đắp tại các mỏ đất trong lòng hồ.

- Công trình phục vụ thi công và quản lý vận hành:

+ Đường thi công kết hợp quản lý gồm 03 tuyến, tổng chiều dài $10,638\text{km}$:

++ Tuyến Đ1: Đầu tuyến từ Trạm y tế xã Đông Lợi vào công trình đầu mối dài $5,094\text{km}$; bề rộng nền/mặt đường là $(5,0 \div 6,0)/3,5\text{m}$; kết cấu áo đường mềm; móng cấp phối đá dăm dày 24cm . Công trình trên đường gồm 01 cầu giao thông, dài $L=24,0\text{m}$ hình thức cầu BTCT dự ứng lực; 12 cống thoát nước.

++ Tuyến Đ2: Đầu tuyến từ ngã ba xã Phú Lương đến ngã ba giao với đường Đ1, dài 3,754km; bề rộng nền/mặt đường là 5,0/3,5m; kết cấu áo đường mềm; móng cấp phối đá dăm dày 24cm. Công trình trên đường gồm 11 cống thoát nước.

++ Tuyến Đ3: Là tuyến đường hoàn trả đường dân sinh vào thôn Cao Ngồi bị ngập trong lòng hồ khi tích nước, vị trí từ vai phải đập đến đường bê tông hiện có, dài 1,790km; bề rộng nền/mặt đường là 5,0/3,5m; kết cấu áo đường BT xi măng M25 dày 20cm, móng cấp phối đá dăm dày 16cm. Công trình trên đường gồm 06 cống thoát nước.

+ Cống dẫn dòng (sử dụng cống xả cát): Lưu lượng thiết kế dẫn dòng thi công $Q_{10\%}=6,48 \text{ m}^3/\text{s}$.

+ Đường thi công nội bộ trong công trường gồm các tuyến đường nối từ đường thi công kết hợp quản lý đến vị trí đập chính, đập tràn, cống lấy nước, tổng chiều dài đường 0,85km.

+ Khu quản lý công trình đầu mối: Bố trí phía vai trái đập, diện tích khuôn viên 425m^2 , nhà quản lý có diện tích khoảng 100m^2 ; chỉnh trang mặt bằng công trình tạo cảnh quan.

- Hệ thống thiết bị cơ, điện, quan trắc:

+ Cơ khí cống lấy nước, gồm: lưới chắn rác, ống thép thân cống $D=600\text{mm}$, cửa van sửa chữa phía thượng lưu bằng thép $B \times H=(1,12 \times 1,15)\text{m}$ đóng mở bằng máy vít điện VD20; Pa lăng điện 3 tấn để lắp đặt, sửa chữa; cửa vận hành phía hạ lưu bằng van đĩa $D600$.

+ Đường dây 35KV từ điểm đầu nối đến nhà quản lý dài 0,4 km, trạm biến áp 250KVA đặt tại khu đầu mối.

+ Thiết bị quan trắc: Gồm các loại quan trắc chuyển vị, quan trắc thấm, nhiệt độ, ứng suất, áp lực kẻ rỗng...

+ Hệ thống điều khiển, giám sát tự động (Scada) phục vụ công tác quản lý vận hành; hệ thống cảnh báo lũ hạ du.

- Khối lượng chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng chính
1	Đất đào các loại	m^3	22.000
2	Đá đào các loại	m^3	9.000
3	Đất đắp các loại	m^3	15.000
4	Đá dăm các loại	m^3	15.000
5	Bê tông các loại	m^3	28.000
6	Thép các loại	Tấn	1.700
7	Ống thép	m	900
8	Ống HDPE	m	19.421

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở: Công ty CP tư vấn xây dựng thủy lợi, thủy điện Thăng Long.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
- Diện tích sử dụng đất: 43,62ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Cấp công trình và tần suất thiết kế:

+ Cấp công trình (Theo QCVN 04-05:2012/BNNPTNT): Công trình đầu mối cấp II; Công trình đường ống cấp nước thô cấp III; hệ thống dẫn nước tưới và các công trình phụ trợ cấp IV.

+ Tần suất thiết kế: Mức đảm bảo cấp nước tưới $P=85\%$; Mức đảm bảo cấp nước sinh hoạt $P=90\%$; tần suất lũ thiết kế $P = 1\%$; Tần suất lũ kiểm tra $P = 0,2\%$; Tần suất dẫn dòng thi công $P = 10\%$.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: Cụm công trình đầu mối: Thiết kế 03 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công); các hạng mục còn lại (đường thi công kết hợp quản lý, khu quản lý, hệ thống dẫn nước tưới, đường ống cấp nước thô và các công trình phụ trợ...): Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).*

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư: **250.000.000.000 đồng** (Hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	26.564.182.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	166.497.372.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	2.986.522.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	3.461.455.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	15.517.458.000 đồng
- Chi phí khác:	5.603.198.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	29.369.813.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2022 đến năm 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

a) Nguồn vốn đầu tư: Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: 250 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

13. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Mặt bằng xây dựng cụm công trình đầu mối, lòng hồ, đường thi công kết hợp quản lý, khu phụ trợ, hệ thống dẫn nước, tổng cộng khoảng 43,62 ha.

- Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

+ Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: Đất lúa 0,2ha, đất trồng cây hàng năm, lâu năm và đất khác 19,86ha, đất rừng sản xuất (rừng trồng) 23,56ha.

+ Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số hộ dân bị ảnh hưởng 925hộ, không có hộ dân phải di dời.

+ Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 26,564 tỷ đồng.

+ Dự kiến tiến độ và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án: Bàn giao mặt bằng cho dự án trong quý II/2023.

+ Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Thông tư số 61/2022/TT- BTC ngày 5/10/2022 của Bộ Tài chính và các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan: tiền bảo vệ phát triển đất lúa, chi phí trồng rừng thay thế...

14. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục, đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành.

- Tối ưu hóa mặt cắt và các kích thước đập, đảm bảo an toàn và kinh tế; rà soát kỹ điều kiện địa chất nền đập để lựa chọn cao trình đặt móng tối ưu.

- Tối ưu hóa mặt cắt, kích thước tràn xả lũ và tiêu năng hạ lưu đập tràn; tối ưu hóa phương án tuyến ống cấp nước thô tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, nghiên cứu so sánh các loại kết cấu đường ống dẫn nước (thép, HDPE, Composit...) theo từng đoạn để lựa chọn tối ưu về kinh tế- kỹ thuật.

- Thực hiện thí nghiệm mô hình thủy lực tràn xả lũ để tối ưu giải pháp thiết kế.

- Rà soát, tính toán thiết kế chi tiết các tuyến đường thi công kết hợp quản lý, nghiên cứu kỹ các phương án kết cấu áo đường để so chọn phương án tối ưu; đối với các tuyến đường Đ1 và Đ2 thi công lớp áo đường khi xây dựng hoàn thành công trình đầu mối; phần chỉnh trang mặt bằng sẽ được thiết kế chi tiết và thi công sau khi dự án cơ bản hoàn thành.

- Tổ chức lập Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư trong quản lý chi phí, đấu thầu:

+ Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ các hạng mục công việc của dự án theo quy định tại Điều 33 Luật đấu thầu, trừ các hạng mục công việc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật đấu thầu.

+ Trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư đã được phê duyệt (bao gồm cả trường hợp phân điều chỉnh tăng bằng phân điều chỉnh giảm), báo cáo Bộ xem xét, quyết định trước khi triển khai, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

+ Lập, phê duyệt, cập nhật tổng dự toán của dự án và phê duyệt dự toán các hạng mục chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 11, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP làm cơ sở quản lý chi phí của dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Tuyên Quang:

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan, thu dọn lòng hồ...), đảm bảo mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng công trình đã được giải phóng mặt bằng đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); quyết toán công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung;

- Quyết định giao đơn vị quản lý, khai thác để phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và nhận bàn giao công trình hoàn thành để quản lý, khai thác theo quy định; bố trí kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025 để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt theo cam kết của địa phương tại văn bản số 2247/UBND-ĐTXD ngày 16/6/2022 đảm bảo đồng bộ, phát huy hiệu quả, mục tiêu dự án (Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ nhất trí cho triển khai xây dựng tuyến đường ống cấp nước thô O₂ và tuyến nhánh khi tỉnh bố trí kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt theo cam kết, trường hợp huy động vốn đầu tư tư nhân thì thực hiện theo quy định của pháp luật về PPP đối với đường ống cấp nước thô O₂ và tuyến nhánh); tổ chức thực hiện việc bảo vệ và phát triển nguồn nước sinh hoạt thuộc dự án đảm bảo yêu cầu.

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ, an toàn phòng chống thiên tai.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang thực hiện chức năng Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

3. Cục Quản lý xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình, hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Tuyên Quang;
- Kho bạc NN Tuyên Quang;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp